

Bản án số: 51/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 6 - 2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đèo Văn Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Cương; bà Phạm Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa: Ông Quảng Văn Cuộc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 về việc “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 51/2025/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2025/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cà Thị T, sinh năm 1988; Trú tại: Bản HT, xã BS, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Vắng mặt (Có đơn xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Cà Văn V, sinh năm 1988; Trú tại: Bản HT, xã BS, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân: Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và quá trình tố tụng chị Cà Thị T trình bày: Chị và anh Cà Văn V tự nguyện kết hôn với nhau năm 2016 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bó Sinh, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại bản HT, xã BS, hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020, thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, anh V không chăm lo cuộc sống gia đình, chơi bời mắc nghiện chất ma túy dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không

được cải thiện, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm không còn, chị xin được ly hôn với anh Cà Văn V.

2. Về con chung: Chị Cà Thị T xác định có hai con chung: Cháu Cà Văn T, sinh ngày 27/7/2011 và cháu Cà Thị M, sinh ngày 20/4/2014. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Cà Thị M và cho cháu T ở cùng anh V. Không yêu cầu bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Không có.

5. Bị đơn: Anh Cà Văn V, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V cố tình không đến nên không thể lấy lời khai và hòa giải được.

6. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Cà Thị T và anh Cà Văn V ly hôn; Giao hai cháu Cà Văn T, sinh ngày 27/7/2011 và cháu Cà Thị M, sinh ngày 20/4/2014 cho chị Cà Thị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung không có; chị Cà Thị T được miễn án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Cà Thị T và anh Cà Văn V có hộ khẩu thường trú tại: Bản HT, xã BS, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Sông Mã thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo yêu cầu anh Cà Văn V đến Tòa án lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng anh V không chấp hành. Do đó, Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ

luật tổ tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh Cà Văn V được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt và chị Cà Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại các bản khai chị Cà Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Cà Văn V, yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Cà Thị T và anh Cà Văn V tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bó Sinh, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy: Trong thời gian chung sống chị T và anh V chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống và anh V chơi bời mắc nghiện chất ma túy từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 và không quan tâm đến ai. Theo xác minh tại địa phương vợ chồng chị T mâu thuẫn từ năm 2020 do anh V chơi bời mắc nghiện chất ma túy, chị T bỏ về sống với bố mẹ đẻ, từ đó anh T cũng không có biện pháp hàn gắn gia đình, nên chị T thấy tình cảm không còn và yêu cầu ly hôn với anh V là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập cho anh V đến để giải quyết nhưng anh V không chấp hành, điều này chứng tỏ anh V không có thiện chí, không quan tâm đến vợ con, cũng không có mong muốn hàn gắn gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Trương và anh Vự không còn. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn anh V là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị T xin được ly hôn anh V.

[3] Về con chung: Chị Cà Thị T và anh Cà Văn V có hai con chung: Chị Cà Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, chăm sóc cháu Cà Thị M, sinh ngày 20/4/2014 và cho anh Cà Văn V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cà Văn T, sinh ngày 27/7/2011. Anh Cà Văn V không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của chị T cũng là nguyện vọng của cháu Cà Thị M là được tiếp tục ở với mẹ, ý kiến của cháu Cà Văn T có nguyện vọng ở cùng mẹ và anh Cà Văn V không có ý kiến gì để đảm bảo quyền và lợi ích của các con nên cần giao các cháu Cà Văn T và cháu Cà Thị M cho chị Cà Thị T trực tiếp nuôi

dưỡng và chăm sóc cho đến khi các con trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con do chị Trường không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Cà Thị T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí xin ly hôn tuy nhiên chị Cà Thị T là dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228; 232 và Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Cà Thị T, xử cho chị Cà Thị T được ly hôn anh Cà Văn V.

2. Về con chung: Giao hai cháu Cà Văn T, sinh ngày 27/7/2011 và cháu Cà Thị M, sinh ngày 20/4/2014 cho chị Cà Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Cà Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không được ai cản trở.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho chị Cà Thị T.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Cà Thị T và anh Cà Văn V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nội nh

- Toạ ,n t
- Vi
- THADS;
- C, c
- UBND xã Bó Sinh;
- L-u h
- L-u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Văn Quỳnh

